



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
(Kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)

Căn cứ các quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 81/2023/QH15), Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết số 81/2023/QH15 nhằm phấn đấu đến năm 2030 nước ta là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, tăng trưởng kinh tế dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; mô hình tổ chức không gian phát triển quốc gia hiệu quả, thống nhất, bền vững, hình thành được các vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng, có mạng lưới kết cấu hạ tầng cơ bản đồng bộ, hiện đại; bảo đảm các cân đối lớn, nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế; bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh lương thực và an ninh nguồn nước; môi trường sinh thái được bảo vệ, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển toàn diện nguồn nhân lực, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên.

2. Việc xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia phải bảo đảm đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Quy hoạch; Kế hoạch thực hiện quy hoạch phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước và khả năng cân đối, huy động nguồn lực để triển khai các dự án quan trọng quốc gia trên cơ sở bám sát mục tiêu, định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Quốc hội quyết định tại Nghị quyết số 81/2023/QH15; xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện nhằm thu hút đầu tư, cân đối nguồn lực tài chính, phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường, bảo đảm an sinh xã hội và giữ vững quốc phòng, an ninh.

3. Chương trình hành động và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia phải cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội bằng những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực của Chính phủ để khơi thông nguồn lực, tháo gỡ các điểm nghẽn trong quá trình triển khai thực hiện. Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia là căn cứ để các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch hành động của từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu cao nhất đạt được các mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 81/2023/QH15.

4. Phát huy vai trò kiến tạo, chỉ đạo tập trung của Chính phủ, sự phối hợp đồng bộ, có trách nhiệm của từng bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng, tập trung, dân chủ để tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia đã được Quốc hội quyết định; xây dựng, ban hành và trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Quốc hội quyết định.

5. Phấn đấu đạt các mục tiêu, chỉ tiêu và hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm của Quy hoạch tổng thể quốc gia đến năm 2030.

a) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế: phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP cả nước bình quân đạt khoảng 7,0%/năm giai đoạn 2021 - 2030. Đến năm 2030, GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 7.500 USD. Tỷ trọng trong GDP của khu vực dịch vụ đạt trên 50%, khu vực công nghiệp - xây dựng trên 40%, khu vực nông, lâm, thủy sản dưới 10%. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt trên 6,5%/năm. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt trên 50%.

Phát huy lợi thế của từng vùng kinh tế - xã hội; tập trung phát triển 2 vùng động lực phía Bắc và phía Nam gắn với 2 cực tăng trưởng là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, hành lang kinh tế Bắc - Nam, hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, hành lang kinh tế Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hoà - Vũng Tàu với kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có tốc độ tăng trưởng cao, đóng góp lớn vào phát triển chung của đất nước.

Phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới; tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%; phân đầu từ 3 - 5 đô thị ngang tầm khu vực và quốc tế. Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững và gắn với đô thị hoá; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt trên 90%, trong đó 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Phát triển mạnh hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP.

- Về xã hội: duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con); quy mô dân số đạt khoảng 105 triệu người. Chỉ số HDI duy trì ở mức trên 0,7. Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%. Nâng cao chất lượng việc làm, giữ tỷ lệ thất nghiệp ở mức hợp lý. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt 32 m². Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 8 - 10 m². Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 16 - 26%.

Phát triển nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực thuộc nhóm 10 quốc gia có hệ thống giáo dục đại học tốt nhất châu Á. Tỷ lệ sinh viên đại học đạt 260 trên 1 vạn dân. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%.

Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực. Phát triển mạng lưới cơ sở y tế quốc gia đáp ứng yêu cầu chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe toàn dân, hướng tới mục tiêu công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Đến năm 2030, đạt 35 giường bệnh và 19 bác sĩ trên 1 vạn dân; tỷ lệ giường bệnh tư nhân đạt 15%.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong các lĩnh vực đời sống xã hội. Phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa quốc gia bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa. Phân đầu 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 3 loại hình thiết chế văn hoá, gồm: trung tâm văn hoá hoặc trung tâm văn hoá - nghệ thuật, bảo tàng và thư viện.

- Về môi trường: tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%; nâng cao chất lượng rừng, tăng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên; bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, nâng cao chất lượng đa dạng sinh học; diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3 - 5% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia; diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên trên cạn đạt 3 triệu ha.

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95%, trong đó tỷ lệ xử lý thông qua các mô hình kinh tế tuần hoàn đạt khoảng 50%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp giảm còn 10% so với lượng chất thải được thu gom; tỷ lệ tái chế rác thải hữu cơ đạt 100% ở đô thị và 70% ở nông thôn. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 98%, trong đó tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%. Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt trên 70%. Thực hiện giảm phát thải khí nhà kính trong các ngành, lĩnh vực để phấn đấu nhanh nhất đạt mục tiêu giảm phát thải ròng của quốc gia về "0" vào năm 2050.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng: hình thành cơ bản bộ khung kết cấu hạ tầng quốc gia, bao gồm các trục giao thông đường bộ Bắc - Nam (đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, một số đoạn của đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây, đường ven biển), các trục giao thông Đông - Tây quan trọng, phấn đấu có khoảng 5.000 km đường bộ cao tốc; các cảng biển cửa ngõ có chức năng trung chuyển quốc tế, các cảng hàng không quốc tế lớn, các tuyến đường sắt kết nối với các cảng biển lớn, đường sắt đô thị nhằm giảm thiểu chi phí logistics; phấn đấu xây dựng một số đoạn đường sắt tốc độ cao trên tuyến Bắc - Nam; phát triển hạ tầng năng lượng, công nghệ thông tin, đô thị lớn, hạ tầng thủy lợi, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Về quốc phòng, an ninh: bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

b) Nhiệm vụ trọng tâm

- Hình thành cơ bản bộ khung kết cấu hạ tầng quốc gia, tập trung vào hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng nông thôn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng văn hóa, xã hội, hạ tầng thủy lợi, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên cơ sở nâng cao năng suất, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn, gắn với không gian phát triển mới.

- Phát triển các vùng động lực, cực tăng trưởng quốc gia quan trọng để hình thành các đầu tàu dẫn dắt sự phát triển của quốc gia. Lựa chọn một số địa bàn, đô thị, vùng có lợi thế đặc biệt để xây dựng trung tâm kinh tế, tài chính, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt với thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội có tính đột phá, có khả năng cạnh tranh quốc tế cao. Đồng thời có cơ chế, chính sách, nguồn lực phù hợp để bảo đảm an sinh xã hội và từng bước phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới, hải đảo, góp phần ổn định chính trị, giữ vững quốc phòng, an ninh.

- Hình thành và phát triển các hành lang kinh tế theo trục Bắc - Nam, các hành lang kinh tế Đông - Tây, các vành đai kinh tế ven biển; kết nối hiệu quả các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế, đầu mối giao thương lớn, các đô thị, trung tâm kinh tế, cực tăng trưởng; kết nối hiệu quả với các hành lang kinh tế của khu vực và thế giới. Phát triển các vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ tại các vùng động lực, vùng đô thị lớn.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Dự án sử dụng vốn đầu tư công

a) Giai đoạn 2021 - 2025: thực hiện theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; tập trung triển khai các dự án hạ tầng kỹ thuật quy mô lớn mang tính liên vùng, liên tỉnh và kết nối các vùng động lực quốc gia, các hành lang kinh tế.

b) Giai đoạn 2026 - 2030: nghiên cứu xây dựng các dự án đầu tư phù hợp với mục tiêu, định hướng tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 được cụ thể hóa tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

c) Danh mục các dự án: được thể hiện tại Phụ lục III.

2. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

Thực hiện theo Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục quốc gia các dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2025, đồng thời thu hút các dự án phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, định hướng tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội (được thể hiện tại Phụ lục III).

3. Kế hoạch sử dụng đất

a) Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025: thực hiện theo Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và

Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025.

b) Xây dựng kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2026 - 2030 theo quy định của pháp luật về đất đai trên cơ sở nhu cầu cho phát triển, bảo đảm khả thi, hiệu quả, bền vững, và phù hợp với các định hướng sử dụng đất quốc gia xác định tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội, cụ thể như sau:

- Bố trí quỹ đất đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm kết nối không gian phát triển liên ngành, liên vùng, các hành lang kinh tế và các vùng động lực phát triển của quốc gia, tạo bước đột phá nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, nhất là về giao thông, năng lượng và hạ tầng số, tăng cường kết nối với khu vực và thế giới. Ưu tiên quỹ đất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thể dục, thể thao, nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân khu công nghiệp.

- Quản lý diện tích đất trồng lúa 3,5 triệu ha. Trong phạm vi diện tích phù hợp, cho phép linh hoạt chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa nhưng không làm thay đổi tính chất, điều kiện sử dụng đất trồng lúa để có thể chuyển đổi trở lại trồng lúa khi cần thiết. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi đất trồng lúa, nhất là đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp, đi đôi với việc bảo đảm lợi ích của người trồng lúa và địa phương trồng lúa.

- Quản lý chặt chẽ đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, bảo vệ diện tích và phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái. Phát triển và nâng cao chất lượng rừng trồng.

- Mở rộng diện tích đất khu công nghiệp, tập trung tại các vùng động lực, gắn kết với các hành lang kinh tế, các trung tâm logistics, các đầu mối vận tải (ga đường sắt, cảng biển, cảng hàng không...) để giảm chi phí sản xuất. Tiếp tục mở rộng đất đô thị gắn với quá trình đô thị hóa.

- Bảo đảm quỹ đất cho mục đích quốc phòng, an ninh.

4. Nguồn lực và sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch: được thể hiện tại Phần III - Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm nêu trên, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Việc triển khai các dự án quan trọng quốc gia xác định tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 phải bảo đảm các nguyên tắc:

a) Bảo đảm tính đồng bộ, liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương. Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn.

b) Ưu tiên vốn đầu tư công cho các dự án hạ tầng kỹ thuật quy mô lớn mang tính liên vùng, liên tỉnh và kết nối các vùng động lực quốc gia, các hành lang kinh tế, kết nối mạng lưới giao thông khu vực, quốc tế; đầu tư các công trình có sức lan tỏa cao, giải quyết nhu cầu thiết yếu, các nút thắt của vùng, mang lại hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội cao cho toàn vùng. Phát huy vai trò dẫn dắt của vốn đầu tư công để kích hoạt, huy động, thu hút mọi nguồn lực xã hội, nhất là nguồn lực tư nhân tham gia các công trình đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

c) Nghiên cứu ưu tiên nguồn lực và tập trung xây dựng, triển khai các chương trình về giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học có tính liên vùng để góp phần phát triển nguồn nhân lực, giải quyết an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đa dạng, đặc sắc.

d) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các địa phương trong đầu tư kết cấu hạ tầng, đặc biệt là các công trình hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

2. Về cơ chế, chính sách

a) Xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện quy hoạch. Xây dựng cơ chế, chính sách theo hướng tăng cường phân cấp huy động, sử dụng nguồn lực đầu tư ở trung ương và địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương cùng đầu tư ngân sách vào các hạ tầng dùng chung, hạ tầng liên kết vùng, các công trình hạ tầng kết nối giữa các trung tâm phát triển của địa phương với hệ thống hạ tầng quốc gia.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các vùng động lực, phát triển các hành lang kinh tế ưu tiên; cơ chế, chính sách ưu đãi, đầu tư và khai thác có hiệu quả các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo mô hình tiên tiến trên thế giới.

c) Xây dựng chính sách hỗ trợ, nâng cao năng lực cơ sở đào tạo các ngành ưu tiên gắn với ứng dụng công nghệ tiên tiến, các ngành khoa học nền tảng cho phát triển khoa học, công nghệ; chính sách ưu đãi để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành ưu tiên và các địa phương trong các vùng động lực.

d) Xây dựng và hoàn thiện chính sách thuế, đất đai, đầu tư, tín dụng đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật và khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

đ) Hoàn thiện chính sách thu ngân sách nhà nước đối với đất đai, tài sản, tài nguyên; cơ chế khai thác nguồn lực từ đất đai cho phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Tăng cường nguồn thu cho ngân sách nhà nước từ đầu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất theo quy hoạch và tại các khu vực phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD) để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị.

e) Hoàn thiện cơ chế, chính sách về văn hoá đáp ứng yêu cầu phát triển đề văn hoá thực sự là nền tảng tinh thần xã hội. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù chăm lo phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tạo sinh kế, việc làm, sắp xếp ổn định dân cư vững chắc cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là vùng biên giới.

g) Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại phục vụ nhu cầu thông tin của người dân.

h) Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về biến đổi khí hậu, cơ chế phối hợp liên vùng, liên ngành trong ứng phó với biến đổi khí hậu; khuyến khích đầu tư giảm phát thải trong các lĩnh vực.

3. Thu hút đầu tư phát triển

a) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện, nâng cao hơn nữa chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch.

b) Đổi mới mạnh mẽ chính sách và cách thức thu hút đầu tư nước ngoài và chuẩn bị đồng bộ các điều kiện như hạ tầng, thể chế, nhân lực... để tăng hiệu quả đầu tư nước ngoài phục vụ cho các mục tiêu phát triển. Huy động vốn vay nước ngoài với điều kiện, lãi suất ưu đãi, phù hợp, hiệu quả, tập trung cho một số lĩnh vực chủ chốt; ưu tiên đầu tư cho các dự án trực tiếp thúc đẩy tăng trưởng gắn với phát triển bền vững, có hiệu ứng lan tỏa như thích ứng với biến đổi khí hậu, năng lượng sạch, trong đó có bảo đảm khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy với giá cả phù hợp và đánh giá chính xác tiềm năng điện gió, điện mặt trời nhằm hỗ trợ chuyển đổi năng lượng, nâng cao chất lượng môi trường, văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Định hướng thu hút các doanh nghiệp lớn có uy tín và năng lực tài chính, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, hệ thống quản lý hiện đại, các tập đoàn đa quốc gia hàng đầu thế giới đầu tư vào địa bàn các vùng động lực, hình thành những cụm liên kết ngành, tạo sức lan tỏa lớn, thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế trong nước.

4. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Phát triển nguồn nhân lực bền vững, bảo đảm cân đối tổng thể, hài hòa với định hướng phân bố dân cư. Xây dựng chính sách, giải pháp đột phá về nguồn nhân lực để tăng nhanh tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; huy động nguồn lực trong nước và quốc tế trong đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực.

b) Thu hút và sử dụng hiệu quả trí tuệ, nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài. Đổi mới chính sách thu hút nhân lực, đặc biệt là cán bộ khoa học kỹ thuật ở nước ngoài về công tác lâu dài tại Việt Nam, cán bộ khoa học kỹ thuật làm việc lâu dài tại các vùng khó khăn và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ ở các vùng khó khăn, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới.

5. Bảo đảm an sinh xã hội

a) Thực hiện đầy đủ các chính sách bảo đảm an sinh xã hội đối với mọi người dân theo quy định của pháp luật; tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý, các chính sách và giải pháp bảo đảm an sinh xã hội gắn với tiến bộ, công bằng xã hội phù hợp với thành tựu phát triển kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Quan tâm đầu tư các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hỗ trợ, tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Từng bước phát triển khu vực khó khăn thông qua xây dựng hạ tầng kết nối khu vực khó khăn với các hành lang kinh tế, kết nối các khu vực biên giới khó khăn với phát triển các khu kinh tế cửa khẩu.

d) Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

6. Khoa học, công nghệ và môi trường

a) Lựa chọn và tập trung hỗ trợ triển khai nghiên cứu ứng dụng phát triển công nghệ cho một số ngành, lĩnh vực then chốt. Nâng cao tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ trong nước để có thể triển khai các hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, tập trung ưu tiên phát triển công nghệ có khả năng ứng dụng cao, nhất là công nghệ số, sinh học, trí tuệ nhân tạo, cơ điện tử, tự động hoá, điện tử y sinh, năng lượng, môi trường.

b) Tăng cường các biện pháp quản lý, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường không khí, nước, đất tại các đô thị lớn, lưu vực sông, biển. Quản lý chất thải rắn, trọng tâm là quản lý tốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nhựa. Rà soát, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải lớn; tăng cường các biện pháp phòng ngừa các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; chủ động giám sát các đối tượng, dự án tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường. Tăng cường bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển theo hướng tăng dần cho chi đầu tư phát triển. Cơ cấu lại chi đầu tư công theo hướng trọng tâm, trọng điểm và không dàn trải, nâng cao hiệu quả, hiệu lực phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công.

b) Đẩy nhanh thoái vốn nhà nước, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước không thuộc danh mục mà Nhà nước cần nắm giữ, thực hiện giao, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước, tạo dư địa cho huy động nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Giải quyết dứt điểm tình trạng đầu tư dàn trải, ngoài ngành, lĩnh vực kinh doanh chính thông qua việc thoái vốn, bảo đảm các doanh nghiệp nhà nước tập trung vào ngành, lĩnh vực kinh doanh chính.

c) Hoàn thiện khung khổ luật pháp, chính sách phát triển các loại thị trường vốn, nhất là thị trường chứng khoán, thị trường vốn đầu tư mạo hiểm nhằm huy động nguồn vốn trung và dài hạn cho đầu tư, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

8. Về hợp tác quốc tế

a) Tăng cường hợp tác với các quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế, tổ chức tài chính, cơ quan tài trợ trong huy động nguồn lực tài chính cho các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, dự án hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực để tăng cường kết nối kinh tế trong và ngoài khu vực ASEAN.

b) Chủ động, tích cực hợp tác với các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới để thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư, nhất là tạo điều kiện tiếp cận thuận lợi hơn nữa với các thị trường lớn, quan trọng cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Thực hiện hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên, phát huy tối đa lợi ích mà các FTA thế hệ mới mang lại.

c) Chủ động và tham gia tích cực các điều ước quốc tế, cơ chế hợp tác song phương, đa phương, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về tài nguyên nước trên nguyên tắc tôn trọng luật pháp quốc tế và lợi ích của từng quốc gia có liên quan trong việc khai thác, sử dụng, quản lý nguồn nước xuyên biên giới.

d) Chủ động và tham gia tích cực vào các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về biến đổi khí hậu, tận dụng các nguồn lực hỗ trợ của quốc tế dành cho ứng phó với biến đổi khí hậu.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

b) Xây dựng kế hoạch, phương án tác chiến; nâng cao trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

c) Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trên từng vùng lãnh thổ, trên các địa bàn chiến lược, biên giới, biển, đảo, khu kinh tế, khu công nghiệp trọng điểm, các khu kinh tế - quốc phòng phù hợp với chiến lược, đề án quốc phòng, an ninh.

d) Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển và vùng ven biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

đ) Xây dựng đồng bộ hệ thống tổ chức phòng thủ dân sự, sẵn sàng ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống; thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động xâm hại an ninh quốc gia; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện có hiệu quả, thực chất, toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội và các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nêu tại Nghị quyết này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, cơ quan trung ương và của địa phương mình; kịp thời xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện nhiệm vụ của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Khẩn trương xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì tại Nghị quyết này, trình cấp có thẩm quyền theo đúng thời hạn yêu cầu; trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ và phân công các đơn vị thực hiện.

c) Khẩn trương hoàn thành việc lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong năm 2023, bảo đảm phù hợp, thống nhất và đồng bộ với Quy hoạch tổng thể quốc gia đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 81/2023/QH15; xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt để triển khai thực hiện.

d) Chỉ đạo rà soát các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, bảo đảm mối quan hệ giữa các loại quy hoạch theo quy định tại Điều 6 của Luật Quy hoạch. Việc điều chỉnh quy hoạch trong trường hợp có mâu thuẫn được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội.

đ) Kịp thời đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

e) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện bằng văn bản, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị về Quy hoạch tổng thể quốc gia và các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp xác định tại Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động và Kế hoạch thực hiện quy hoạch ban hành tại Nghị quyết này, các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương chủ động đề xuất, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương thực hiện các nhiệm vụ được giao; định kỳ hằng năm báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.



Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 81/2023/QH15 CỦA QUỐC HỘI
(Kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Giai đoạn 2021 - 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân	%		7,0	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Cơ cấu kinh tế				Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Dịch vụ	%	> 50		
	Công nghiệp	%	> 40		
	Nông, lâm, thủy sản	%	< 10		
3	GDP bình quân đầu người	USD	7.500		Bộ Kế hoạch và Đầu tư
4	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng	%	> 50		Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5	Tỷ trọng kinh tế số trong GDP ¹	%	30		Bộ Thông tin và Truyền thông
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%	> 50		Bộ Xây dựng
7	Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị	%	16 - 26		Bộ Xây dựng
8	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	> 90		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị	m ²	32		Bộ Xây dựng
10	Tỷ lệ sinh viên đại học trên 1 vạn dân	Sinh viên	đạt 260		Bộ Giáo dục và Đào tạo
11	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	35 - 40		Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
12	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường bệnh	35		Bộ Y tế

¹ Việc đo lường tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp theo quy định tại Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Giai đoạn 2021 - 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
13	Số bác sỹ trên 1 vạn dân	Bác sỹ	19		Bộ Y tế
14	Tỷ lệ che phủ rừng	%	42		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
15	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn	%	95		Bộ Tài nguyên và Môi trường
16	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn	%	90		Bộ Tài nguyên và Môi trường
17	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn	%	98		Bộ Tài nguyên và Môi trường
18	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%	> 70		Bộ Tài nguyên và Môi trường



Phụ lục II
CÁC NHIỆM VỤ CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 81/2023/QH15 CỦA QUỐC HỘI
(Kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
1	Xây dựng kế hoạch công bố Quy hoạch và tổ chức công bố Quy hoạch tổng thể quốc gia theo quy định của pháp luật.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và các địa phương	Quý II/2023	Thủ tướng Chính phủ
2	Xây dựng mô hình tổ chức, cơ chế điều phối vùng để thực hiện liên kết nội vùng và thúc đẩy liên kết giữa các vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2023	Chính phủ
3	Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các vùng động lực, phát triển các hành lang kinh tế ưu tiên.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2024	
4	Xây dựng chính sách về phát triển và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tại các vùng động lực; chính sách và giải pháp bảo đảm an sinh xã hội.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2023	Chính phủ
5	Xây dựng cơ chế, chính sách về đầu tư và khai thác có hiệu quả khu công nghệ cao và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2023	Chính phủ
6	Xây dựng cơ chế, chính sách về đầu tư và khai thác có hiệu quả khu công nghệ thông tin tập trung.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2023	Chính phủ
7	Xây dựng đề án phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung thống nhất, đồng bộ và hội nhập quốc tế; chiến lược Tiêu chuẩn hóa quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn 2030.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2024	Thủ tướng Chính phủ

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
8	Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đối với trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2023	Chính phủ
9	Xây dựng cơ chế, chính sách thu ngân sách nhà nước đối với đất đai, tài sản, tài nguyên; cơ chế khai thác nguồn lực từ đất đai cho phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2025	Chính phủ
10	Xây dựng cơ chế, chính sách về văn hoá đáp ứng yêu cầu phát triển thể văn hoá thực sự là nền tảng tinh thần xã hội.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2023	Chính phủ
11	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tạo sinh kế, việc làm bền vững, sắp xếp ổn định dân cư vững chắc cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới.	Ủy ban Dân tộc	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2023	Chính phủ
12	Xây dựng kế hoạch sử dụng đất quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2025	Quốc hội
13	Xây dựng cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy.	Bộ Công an	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2024	Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
14	Xây dựng Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2023	Ủy ban Thường vụ Quốc hội
15	Xây dựng Nghị quyết của Chính phủ về ban hành kế hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2023	Chính phủ



Phụ lục III

**DỰ KIẾN PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA TRIỂN KHAI
NGHỊ QUYẾT SỐ 81/2023/QH15 CỦA QUỐC HỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
					2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
I	DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA ĐÃ XÁC ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 81/2023/QH 15								
1	Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông	Từ Lạng Sơn đến Cà Mau	Bộ Giao thông vận tải và các địa phương liên quan	Các bộ và địa phương liên quan	X	X		X	X
2	Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây	23 tỉnh	Bộ Giao thông vận tải và các địa phương liên quan	Các bộ và địa phương liên quan	X	X	X	X	X
3	Đường bộ cao tốc Đông - Tây	Các địa phương liên quan	Bộ Giao thông vận tải và các địa phương liên quan	Các bộ và địa phương liên quan	X	X	X	X	X
4	Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Tỉnh Đồng Nai	Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Các bộ và địa phương liên quan	X	X	X	X	X

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
					2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
5	Đường vành đai vùng Thủ đô Hà Nội	Thành phố Hà Nội và các địa phương liên quan	Thành phố Hà Nội và các địa phương liên quan	Các bộ và địa phương liên quan	X	X		X	X
6	Đường vành đai Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương liên quan	Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương liên quan	Các bộ và địa phương liên quan	X	X		X	X
7	Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam	Các địa phương liên quan	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ và địa phương liên quan		X	X	X	
8	Đường sắt đô thị Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Các bộ và địa phương liên quan		X	X	X	
9	Đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Các bộ và các địa phương liên quan		X	X	X	
10	Một số tuyến đường sắt kết nối với cảng biển cửa ngõ quốc tế, cửa khẩu quốc tế, cảng hàng không quốc tế, đường sắt vành đai phía Đông khu đầu mối Hà Nội; tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ	Các địa phương liên quan	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ và các địa phương liên quan		X	X	X	X

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
					2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
II	CÁC DỰ ÁN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ PHÙ HỢP VỚI MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 81/2023/QH15								
1	Hạ tầng kỹ thuật								
a	Hạ tầng giao thông								
-	Xây dựng cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Các bộ và địa phương liên quan		X			X
b	Thủy lợi và phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu								
-	Xây dựng các công trình điều tiết, liên kết, kết nối nguồn nước khu vực đồng bằng sông Hồng, miền Trung, Tây Nguyên	Các địa phương liên quan	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ và địa phương liên quan	X	X	X	X	
-	Xây dựng các công trình điều tiết, bổ sung nguồn nước, kiểm soát lũ, kiểm soát mặn, ngọt vùng đồng bằng sông Cửu Long	Các địa phương liên quan	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ và các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long	X	X	X	X	
-	Các công trình chính trị, phòng chống xói lở bờ sông, bờ biển	Các địa phương liên quan	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ và địa phương liên quan	X	X	X	X	
-	Xây dựng, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển	Các địa phương liên quan	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ và địa phương liên quan	X	X	X	X	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
					2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
-	Xây dựng các hồ chứa lớn, nâng cấp các hồ chứa hiện có và các hệ thống thủy lợi liên tỉnh	Các địa phương liên quan	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ và địa phương liên quan	X	X	X	X	
c	Đô thị								
-	Xây dựng, cải tạo, tái thiết và phát triển đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng đô thị (đối với các đô thị vừa và lớn từ loại III trở lên)	Các địa phương liên quan	Các địa phương liên quan	Bộ Xây dựng và các bộ liên quan	X	X	X	X	X
d	Cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão								
-	Xây dựng các trung tâm nghề cá lớn gắn với ngư trường trọng điểm	Các địa phương liên quan	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ và địa phương liên quan	X	X	X	X	
-	Xây dựng các khu neo đậu tránh trú bão	Các địa phương liên quan	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ và địa phương liên quan	X	X	X	X	
2	Hạ tầng xã hội								
-	Phát triển các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia, trọng điểm ngành	Các địa phương liên quan	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ và địa phương liên quan		X	X	X	X
-	Xây dựng các trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	Các địa phương liên quan	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ và địa phương liên quan	X	X	X	X	X

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
					2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
-	Xây dựng, nâng cấp bệnh viện cấp trung ương và bệnh viện cấp vùng	Các địa phương liên quan	Bộ Y tế	Các bộ và địa phương liên quan		X	X	X	X
-	Xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia	Các địa phương liên quan	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ và địa phương liên quan		X	X	X	X
-	Xây dựng các khu du lịch quốc gia trọng điểm	Các địa phương liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ và địa phương liên quan		X	X	X	X
-	Xây dựng, nâng cấp các bảo tàng cấp quốc gia	Các địa phương liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ và địa phương liên quan		X	X	X	X
-	Xây dựng, nâng cấp các cơ sở nghệ thuật biểu diễn cấp quốc gia	Các địa phương liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ và địa phương liên quan		X	X	X	X
-	Xây dựng, nâng cấp các khu liên hợp thể thao quốc gia	Các địa phương liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ và địa phương liên quan		X	X	X	
-	Xây dựng, nâng cấp cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công trên địa bàn các vùng	Các địa phương liên quan	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ và địa phương liên quan		X	X	X	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
					2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
-	Xây dựng, phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ trọng điểm đạt trình độ khu vực, quốc tế	Các địa phương liên quan	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ và địa phương liên quan	X	X	X	X	X
-	Phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, ngành, vùng	Các địa phương liên quan	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ và địa phương liên quan	X	X	X	X	X